

355.009 597 75

ĐC

L 302 S

QUÂN KHU 7

HỦ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐỒNG NAI

LỊCH SỬ
CÔNG TÁC ĐẢNG
CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI
(1945 - 2005)



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

**LỊCH SỬ
CÔNG TÁC ĐẢNG
CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
(1945 - 2005)**

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

355 (V) 09 + 9 (V) 2

QĐND - 2009 132 - 2009

QUÂN KHU 7
ĐẢNG ỦY - BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐỒNG NAI

**LỊCH SỬ
CÔNG TÁC ĐẢNG
CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
(1945 - 2005)**

2018/ĐC/VV 00001186

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2009

Chỉ đạo thực hiện:

ĐẢNG ỦY - BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐỒNG NAI

Chủ nhiệm đề tài:

Đại tá NGUYỄN GIA HÒA

Ban Biên soạn:

- Đại tá TS. **HỒ SƠN ĐÀI** (*Chủ biên, kết luận*)
- Đại tá **DƯƠNG HÒA HIỆP** (*Mở đầu*)
- Th.S **TRẦN QUANG TOẠI** (*Chương 1, 2*)
- Đại tá **TRẦN PHẤN CHẤN** (*Chương 3, 4*)
- Thượng tá **NGUYỄN VĂN HÙNG** (*Chương 5, 6*)
- Cử nhân **HUỲNH TẤN BỬU** (*Chương 7*)
- Trung tá **NGUYỄN VĂN CƠ** (*Chương 8*)
- Đại tá **NGUYỄN VĂN VIỆT** (*Chương 9*)
- Thiếu tá **HỒ CHÍ HÙNG** (*Phụ lục*)

LỜI NÓI ĐẦU

Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai trong 60 năm qua là lịch sử tổ chức thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang tỉnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chấp hành sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu, của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chính trị và cán bộ chính trị các cấp lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai đã nỗ lực khắc phục mọi khó khăn gian khổ, sáng tạo nhiều cách thức hoạt động phù hợp với đặc điểm của lực lượng và địa bàn hoạt động trong từng thời đoạn lịch sử khác nhau để duy trì và đẩy mạnh công tác đảng, công tác chính trị. Và, kết quả của hoạt động ấy đã góp phần xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về mọi mặt, cùng nhân dân và lực lượng vũ trang cả nước lần lượt đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đánh bại hành động xâm lấn biên giới của tập đoàn diệt chủng Pôn Pốt, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhằm phục dựng lại lịch sử, rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng lực lượng vũ trang hiện nay; Thực hiện Chỉ thị số 395/CT-TL ngày 18-5-2004 của Tư lệnh Quân khu 7, Hướng dẫn số 35/HD-CT ngày 18-5-2004 của Cục Chính trị Quân khu 7, Công văn số 4273/CV-TU ngày 14-6-2004 của Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai và Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 734/HĐ-SKH-CN ngày 21-7-2005 giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai với Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai về việc nghiên cứu đề tài “**Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai (1945-2005)**”, Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai đã tổ chức nghiên cứu đề tài khoa học lịch sử nói trên.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là lịch sử công tác đảng, công tác chính trị của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai. Nội dung đề tài tập trung trình bày hoạt động thực hiện công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh trên tất cả các mặt công tác và hoạt động xây dựng hệ thống tổ chức Đảng, tổ chức cơ quan chính trị, đội ngũ cán bộ chính trị, đội ngũ đảng viên để thực hiện hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang tỉnh trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể; từ đó tìm ra những đặc điểm, những bài học kinh nghiệm về công tác đảng, công tác chính trị để vận dụng thực hiện trong nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Để thực hiện đề tài, Ban Chủ nhiệm đề tài đã tổ chức nhóm biên soạn gồm 9 đồng chí là cán bộ nghiên

cứu lịch sử và nhân chứng lịch sử nắm vững nội dung nghiên cứu, do đồng chí Đại tá TS. Hồ Sơn Đài - Trưởng phòng Khoa học công nghệ, môi trường Quân khu 7 trực tiếp làm chủ biên. Nhóm biên soạn đã tổ chức sưu tầm các nguồn tư liệu:

1. Các văn bản nghị quyết, chỉ thị, báo cáo của tổ chức đảng, cơ quan chính trị các cấp (Khu 7, Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy quân sự và các đơn vị vũ trang trực thuộc) qua các giai đoạn.

2. Các công trình tổng kết chiến tranh, nghiên cứu lịch sử liên quan đến đề tài công tác đảng, công tác chính trị của Tổng cục Chính trị và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã được nghiệm thu, xuất bản.

3. Các công trình lịch sử địa phương (Lịch sử Đảng bộ, Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh, huyện) thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được xuất bản. Các công trình lịch sử trong và ngoài nước có nội dung liên quan đã được xuất bản.

4. Tài liệu khảo sát điền dã, các bản hồi ký, ghi chép, băng ghi âm, tọa đàm của các nhân chứng lịch sử được lưu giữ tại Phòng Khoa học công nghệ, môi trường Quân khu 7, Phòng Lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo và Ban Khoa học công nghệ, môi trường Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.

Từ nguồn tư liệu có được, Ban Chủ nhiệm đề tài đã cố gắng phục dựng một cách hệ thống và tương đối toàn diện lịch sử công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945-2005) với những

đặc điểm riêng qua từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi chờ đợi ở quý bạn đọc sự thể tất và những ý kiến đóng góp để lần tái bản sau, cuốn sách được hoàn chỉnh hơn. Trân trọng cảm ơn.

**ĐẢNG ỦY - BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Mở đầu

ĐẤT, NGƯỜI ĐỒNG NAI SỰ RA ĐỜI CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ NHỮNG ĐƠN VỊ VŨ TRANG TIỀN THÂN

I. VÙNG ĐẤT ĐỒNG NAI

1. Địa lý tự nhiên

Đồng Nai là một tỉnh của miền Đông Nam Bộ, vùng đất chuyển tiếp giữa Nam Bộ - Cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là tỉnh nằm trong khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam: Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu. Đồng Nai nằm ở 10°22'23" - 10°36'00" vĩ độ bắc, phía bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía tây giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh; phía đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; diện tích: 5.866,4 km².

Tỉnh Đồng Nai có các huyện, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Nhơn Trạch, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, thành phố Biên Hòa và thị xã Long Khánh với 171 xã, phường, thị trấn; dân số trên 2 triệu người với khoảng 40 dân tộc, trong đó dân

tộc Kinh chiếm 92,8%. Tín đồ đạo Thiên Chúa khoảng 700.000 người. Thành phố Biên Hòa là đô thị loại 2, nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Đồng Nai có khí hậu thuộc loại nhiệt đới gió mùa, nóng đều quanh năm và được chia làm hai mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình cả năm từ 1.800 đến 1.860 mm (mùa mưa chiếm tới 90%); khu vực phía bắc của tỉnh mùa mưa thường đến sớm và chấm dứt muộn với lượng mưa trung bình 2.000 mm; khu vực phía nam mùa mưa ngắn hơn với lượng mưa trung bình 1.500 mm.

Là vùng trung du chuyển tiếp giữa cao nguyên Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, địa hình tỉnh Đồng Nai có độ dốc trung bình dưới 100m so với mặt nước biển; độ cao giảm dần từ đông bắc sang tây nam. Địa hình Đồng Nai gồm các dạng tiêu biểu: dạng địa hình đồng bằng cấu tạo bởi phù sa trẻ; dạng địa hình bậc thềm cấu tạo bởi phù sa cổ; dạng địa hình đồi núi thấp có độ cao trung bình từ 45m đến 200m, dốc thoải lượn sóng, xen kẽ là những thung lũng tương đối rộng như ở Xuân Lộc, Long Khánh; và dạng địa hình đồi núi thấp, độ cao trên 300m, độ dốc trên 70, sắp xếp không tuân theo quy luật, có dạng bát úp, xen kẽ là những thung lũng dài và hẹp như ở các huyện Tân Phú, Long Khánh, Xuân Lộc, thỉnh thoảng có những ngọn núi cao như Chứa Chan (837m) và Mây Tàu (700m).

Về thổ nhưỡng Đồng Nai có ba loại nhóm đất chính:
1 - *Đất hình thành trên đá basalt* chiếm 229.416 hécta (39,1%), thuận lợi cho việc cơ động, triển khai các phương tiện, thiết bị quân sự; 2 - *Đất hình thành trên phù sa cổ và đá phiến sét* chiếm diện tích 246.380 héc-ta (41,9%). Đất có nền hạ vững, hệ thống giao thông thuận lợi cho việc cơ động xây dựng, các căn cứ, kho tàng quân sự; 3 - *Đất hình thành trên các tràm tích sông, tràm tích biển, đầm lầy*, diện tích 58.400 héc-ta (9,9%), phân bố chủ yếu ở tây huyện Vĩnh Cửu, Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch.

Rừng Đồng Nai trước đây chiếm tới 45% diện tích đất đai, hiện còn khoảng 19,2%, rừng tự nhiên chiếm 130.789 hécta. Các huyện có diện tích rừng tương đối lớn là Vĩnh Cửu 54.862 hécta, Tân Phú 42.179 hécta, Định Quán 27.952 hécta. Rừng Đồng Nai có trữ lượng gỗ trên 4 triệu m³, có nhiều loại động, thực vật và cây dược liệu quý hiếm. Đặc biệt Đồng Nai có khu rừng nguyên sinh Nam Cát Tiên nối liền với rừng của hai tỉnh Lâm Đồng và Bình Phước rộng trên 35.000 hécta đã được quy hoạch thành rừng quốc gia. Ngoài ra, Đồng Nai còn có hàng chục ngàn hécta rừng Sác (rừng ngập mặn) ven sông Thị Vải, sông Lòng Tàu thuộc hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch. Trong hơn 40.632 hécta rừng trồng ở Đồng Nai, cao su chiếm trên 30.000 hécta. Rừng Đồng Nai trong kháng chiến là một hệ thống liên hoàn, ở đó ta xây dựng những khu căn cứ địa, chiến khu nổi tiếng như Chiến khu Đ, chiến khu Rừng Sác, các căn cứ du kích như Vĩnh Cửu, Bình Đa, Bình Sơn,... tạo điều kiện

áp sát địch để tiến công các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự của địch trong thị trấn, thị xã, thành phố.

Đồng Nai có hệ thống sông ngòi, hồ ao, đầm dày đặc, phân bố tương đối đều ở các vùng. Sông Đồng Nai là một trong hai con sông lớn ở Nam Bộ - con sông duy nhất phát tích trong nội địa bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh, dài 450 km. Sông Đồng Nai đoạn chảy qua tỉnh dài 290 km với lưu lượng 485 m³/giây. Sông có hai phụ lưu, là sông La Ngà và Sông Bé. Ngoài ra Đồng Nai còn có hệ thống các sông khác như: sông Ray, sông Thị Vải, sông Lòng Tàu. Hệ thống sông ở Đồng Nai không chỉ thuận lợi cho giao thông mà còn là nguồn năng lượng lớn, có thể cải tạo xây dựng thành những bến cảng thuận tiện cho giao thông vận tải thủy.

2. Địa lý hành chính và quân sự

Cách đây hơn 300 năm, Đồng Nai là vùng đất mới, người Việt có mặt để khai khẩn sinh sống ít ra từ đầu thế kỷ XVII. Những năm 30 của thế kỷ XVII, ngày càng nhiều người Việt chống đối cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn tìm vào vùng đất phương Nam. Năm 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần cho một bộ phận người Hoa chống triều đình Mãn Thanh vào định cư ở xứ Bàn Lân. Người Hoa, người Việt và các dân tộc bản địa đã xây dựng nên một Cù Lao Phố sầm uất. Tên Đồng Nai bây giờ là tên gọi chung cho cả vùng đất Nam Bộ.

Năm 1698, Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào xây dựng thiết chế hành

chánh ở vùng đất mới. Ông lấy xứ Đồng Nai lập phủ Gia Định, gồm có hai huyện trong đó huyện Phước Long có dinh Trấn Biên, chính là vùng đất Đồng Nai ngày nay¹.

Sau năm 1698, người Việt từ Ngũ Quảng² vào Đồng Nai lập nghiệp ngày càng đông, cùng với các dân tộc anh em, mà dân tộc bản địa là người Chơ Ro, Mạ, đoàn kết đấu tranh khắc phục thiên nhiên, kết hợp với truyền thống 4.000 năm văn hiến của dân tộc, tạo nên tính cách người Đồng Nai bộc trực, chân thật, căm ghét cái ác, nghĩa khí và hào phóng.

Đội ngũ công nhân Đồng Nai ra đời cùng với chính sách bóc lột tài nguyên thiên nhiên, lao động thuộc địa của tư bản thực dân Pháp từ những năm đầu thế kỷ 20. Vốn xuất thân từ giai cấp nông dân bị địa chủ phong kiến bóc lột, áp bức nặng nề, giai cấp công nhân ở Đồng Nai luôn gắn bó đoàn kết với giai cấp nông dân, đi cùng dân tộc trong suốt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Trong ba trăm năm trước (1698-2006), vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai qua tiến trình lịch sử nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính với nhiều tên gọi khác nhau.

Thời kỳ 1698-1861: lần lượt với các tên huyện Phước Long, phủ Phước Long (1698-1808), trấn Biên

¹ Huyện Phước Long lúc đó bao gồm cả tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

² Ngũ Quảng gồm có Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (tức Thừa Thiên - Huế hiện nay).

Hòa (1808-1832), tỉnh Biên Hòa (1832-1861). Địa giới hành chính của tỉnh rất rộng bao gồm tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, diện tích trên 17.000 km².

Thời kỳ 1861-1954: Đối với chính quyền thực dân Pháp, cơ bản gồm hai tỉnh Biên Hòa và Phước Tuy. Tỉnh Biên Hòa gồm tỉnh Đồng Nai hiện tại và tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Đối với cách mạng, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đến tháng 5 năm 1951, là tỉnh Biên Hòa gồm cả phần đất ngày nay thuộc tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương. Từ tháng 5 năm 1951 đến tháng 7 năm 1954, hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên bao gồm tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, quận Thủ Đức, quận 2, quận 9 (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Huyện Long Thành chuyển về tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn.

Thời kỳ 1954-1975: Từ năm 1957, ngụy quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Long Khánh (gồm các huyện Xuân Lộc, Long Khánh, Định Quán, và một phần phía bắc huyện Thống Nhất ngày nay). Năm 1959, ngụy quyền lại chia cắt thành lập tỉnh Phước Thành, bao gồm cả vùng căn cứ chiến khu Đ (có một phần đất của huyện Vĩnh Cửu, đến năm 1961 thì giải thể tỉnh này). Tỉnh Biên Hòa có các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Tân Uyên.

Đối với cách mạng, do yêu cầu nhiệm vụ của kháng

chiến, đây là thời kỳ có nhiều biến đổi về địa giới hành chính và chiến trường. Tỉnh Biên Hòa nhiều lần tách nhập với các tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Các tên gọi của tỉnh và các tên gọi có liên quan đến địa giới của tỉnh thời kỳ này là: Biên Hòa, Long Khánh, Thủ Biên, Bà Biên, Bà Rịa - Long Khánh, U1 (một đơn vị chiến trường ngang cấp tỉnh, thành lập tháng 9 năm 1965 gồm thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu; tháng 10 năm 1967 có thêm huyện Trảng Bom), phân khu 4, phân khu Thủ Biên, tỉnh Tân Phú. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, tháng 1 năm 1976, tỉnh Đồng Nai được thành lập¹. Năm 1978, đưa huyện Duyên Hải về thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1991, tách ba huyện ven biển là Xuyên Mộc, Châu Thành, Long Đất về thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai còn có địa lý hành chính như ngày nay.

Về địa lý quân sự, địa bàn tỉnh Đồng Nai nằm trên hành lang nối liền Nam Bộ - cực Nam Trung Bộ - nam Tây Nguyên. Quốc lộ 1 nối liền nam - bắc đi ngang qua tỉnh; quốc lộ 15 (nay là quốc lộ 51) nối liền Đồng Nai với tuyến biển Bà Rịa - Vũng Tàu; quốc lộ 20 từ ngã ba Dầu Giây lên Lâm Đồng đi Tây Nguyên; liên tỉnh lộ 2 nối Long Khánh với Bà Rịa ra Vũng Tàu. Đường sắt Bắc - Nam chạy qua tỉnh dài 90 km. Đường sông Đồng Nai, Lòng Tàu nối thông sông Sài Gòn, Nhà Bè ra biển Đông là tuyến đường thủy quan trọng.

Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân

¹ Năm 1979, cắt Vũng Tàu thành lập *Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo*.

Pháp, đế quốc Mỹ đều chọn Biên Hòa làm trung tâm chỉ huy ở miền Đông Nam Bộ, là cứ điểm then chốt trên vành đai phía đông để bảo vệ thủ phủ Sài Gòn.

Đối với cách mạng, Biên Hòa - Đồng Nai có địa thế 3 vùng: rừng núi, đồng bằng, đô thị; có lợi thế xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân và tổ chức nhiều hình thức tác chiến thích hợp, phối hợp nhiều lực lượng, nhiều phương thức tác chiến diệt, phá hủy phương tiện chiến tranh, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường chung của cả Nam Bộ.

II. TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC. SỰ RA ĐỜI CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TIỀN THÂN

1. Truyền thống lao động sáng tạo và đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong lịch sử

Theo các tài liệu khảo cổ chứng minh người xưa sinh sống ở Đồng Nai từ rất sớm, cách đây nhiều nghìn năm; có đủ dấu tích của các nền văn minh: Đá cũ, đá mới, đồng thau, sắt sớm... Trên các địa bàn Đồng Nai từ vùng bán sơn địa như: Hàng Gòn, Suối Mơ, Dầu Giây, Suối Linh, Nam Cát Tiên... đến miệt đồng bằng ven biển: Phước Tân, Gò Bường, Cái Vạn, Rạch Lá, Bưng Bạc... đều có dấu ấn vết người xưa với nếp sống quần cư, chế tác vũ khí, có quan hệ giao lưu với văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo và các nền văn minh khác trong khu vực Đông Nam Á. Kết quả khảo cổ cho phép nhận xét: *Từ giai đoạn sắt sớm, nền kinh tế nông nghiệp bán sơn địa đã hình thành, biến Đồng Nai từ thiên nhiên còn hoang sơ, nguyên thủy, trở thành địa bàn kinh tế*

dân cư “trù phú vào bậc nhất của trung tâm văn minh nông nghiệp Đồng Nai - Đông Nam Bộ”¹. Những: Mộ cổ Hàng Gòn, đàn đá Bình Đa, qua đồng Long Giao, cổ vật Nam Cát Tiên... là di sản văn hóa chứng minh thời rục rờ của các nền văn minh cổ xưa.

Cột mốc đánh dấu lịch sử hành chính của Đồng Nai thường được nhắc đến là năm Mậu Dần (1698) khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý phương Nam. Nhưng trước đó, thân dân của Chúa Nguyễn đã là chủ nhân của xứ Đồng Nai. Tài liệu của nhà truyền giáo Gouge và Labbé đã thừa nhận người đang trong và cả người nước ngoài khai hoang, cày cấy ở vùng Đồng Nai trước năm 1701 đến vài chục năm. Năm 1658, Chúa Nguyễn sai Nguyễn Phước Yển đem 3.000 quân dẹp loạn đến Mô Xoài (Mỗi Xuy) chứng tỏ người Việt đã làm chủ tình hình ở đây. Năm 1679, nhóm người Hoa gồm Huỳnh Tấn, Trần Thượng Xuyên đem 50 thuyền, 3.000 gia nhân đến xin trú ngụ, Chúa Nguyễn Phước Thuận cho khai khẩn đất phương Nam: Nhóm Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn đến Mỹ Tho (Tiền Giang); nhóm Trần Thượng Xuyên đến Bàn Lân (Biên Hòa), góp phần xây dựng Cù Lao Phố thành thương cảng sầm uất, giao dịch với thương nhân trong và ngoài nước.

19 năm sau mới là sự kiện Nguyễn Hữu Cảnh lập huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên; lập huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh có các chức quan:

2018/BC/VV 000011

¹ Theo Lê Xuân Diệm - Phạm Quang Sơn - Bùi Chí Hoàng, *Khảo cổ Đồng Nai*, Nxb Đồng Nai, 1991, tr.201.



Lưu thủy, cai bộ, ký lục; chiêu mộ thêm người, đặt thôn làng, lân, ấp; chuẩn định thuế đinh điền.

Năm 1715, chúa Nguyễn Phúc Chu sai trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Nguyễn Khánh Đức lập Văn Miếu ở thôn Bình Thành - Tân Lại (nay thuộc phường Bửu Long - thành phố Biên Hòa) nhằm khuyến khích trượng Nhọ học, báo hiệu Đồng Nai không chỉ giỏi làm ăn, buôn bán; còn là xứ sở của văn vật, trọng đạo lý thánh hiền.

Năm 1775, Tây Sơn khởi nghĩa, chiếm được Phú Xuân. Chúa Nguyễn Phước Thuận chạy vào Gia Định. Lý Tài phản bội Tây Sơn, theo Nguyễn Ánh đóng quân ở núi Châu Thới, sau bị thua trận rồi bị quân Đông Sơn Đỗ Thành Nhơn giết năm 1777. Từ năm 1776 đến năm 1782, quân Tây Sơn 4 lần vào Nam giao tranh với Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh thua chạy, năm 1784 cầu viện vua Xiêm, vua Xiêm đưa binh, thủy bộ chiếm đóng Kiên Giang, Ba Thắc, Mân Thít, Sa Đéc... mưu đồ đánh chiếm Đồng Nai - Gia Định. Mùa xuân năm 1785, dựa vào địa hình, thủy triều và lòng dân, Nguyễn Huệ chỉ huy quân Tây Sơn dụ giặc vào trận địa mai phục ở Rạch Gầm - Xoài Mút (Mỹ Tho, Tiền Giang) đánh cho quân Xiêm một trận đại bại, chỉ còn vài nghìn tên sống sót trốn về nước. Nguyễn Ánh chạy thoát, tiếp tục mưu đồ cầu ngoại viện, công rấn cắn gà nhà.

Nhân lúc Tây Sơn bận đối phó với Chúa Trịnh ở phía Bắc; Nguyễn Ánh được sự giúp đỡ của ngoại bang chiếm lại Trấn Biên năm 1788; khi Quang Trung

Nguyễn Huệ lên ngôi tập trung lực lượng đánh đuổi giặc Thanh xâm lược ở Thăng Long (1789), Nguyễn Ánh có cơ hội khôi phục lực lượng, xây thành Bát Quái ở Gia Định, củng cố hệ thống phòng thủ, tích trữ lương thực, lập đồn điền cà cây ở Đồng Môn, Bà Rịa. Do đó, trên địa bàn Đồng Nai, còn nhiều di tích gắn với thời kỳ này của Nguyễn Ánh.

Từ năm 1792, Nguyễn Ánh hoàn toàn làm chủ đất Trấn Biên, Gia Định. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, Trấn Biên thành Biên Hòa trấn. Đến năm 1808, lại đổi trấn Gia Định ra Gia Định Thành thống quản trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên; Nguyễn Văn Nhơn làm tổng trấn.

Năm 1832, Lê Văn Duyệt mất. Nguyễn Văn Quế và Bố chánh Bạch Xuân Nghiêm vốn có hiềm khích, dựng vụ án Lê Văn Duyệt. Vua Minh Mạng cho xiềng mộ Lê Văn Duyệt, bãi bỏ chức tổng trấn. Chia các trấn thành lục tỉnh. Tỉnh Biên Hòa có từ đây.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Cần Giờ và tiến đánh Gia Định. Nhân dân Nam Kỳ kháng chiến chống Pháp. Năm 1860, Nguyễn Tri Phương được cử vào Gia Định, cho đắp đồn Chí Hòa, ban hịch kêu gọi đánh Tây. Ngày 7 tháng 2 năm 1861, Chaner điều quân tấn công Sài Gòn. Ngày 25 tháng 2, đại đồn Chí Hòa thất thủ. Nguyễn Tri Phương bị thương, rút về Biên Hòa, cho đắp 9 cửa Hàn trên sông Đồng Nai ngăn giặc. Ngày 17 tháng 12 năm 1861, quân

thủy bộ Pháp do Bonard chỉ huy tấn công thành Biên Hòa, sau đó đánh chiếm các đồn lũy khác, lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chống giặc ở Long Thành, hy sinh ngày 21 tháng 12 năm 1861. Ngày 5 tháng 6 năm 1862, triều đình Nguyễn ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng 3 tỉnh miền Đông: Biên Hòa, Định Tường, Gia Định cho Pháp. Triều đình ra lệnh bãi binh. Quản cơ Trương Định không tuân lệnh vua, thuận theo lòng dân, giương cờ Bình Tây Đại Nguyên Soái, tập hợp dân chúng tiếp tục chống giặc, đánh đồn Rạch Tra, Đồng Môn, Long Thành, đốt tàu giặc trên sông Đồng Nai, lập căn cứ ở Lý Nhơn (Cần Giờ), Bến Bạ (Nhơn Trạch). Nghĩa binh vùng Biên Hòa, Nhơn Trạch, Long Thành theo Trương Định rất đông.

Ngày 25 tháng 9 năm 1863, giặc Pháp tập trung tiêu diệt căn cứ ở Lý Nhơn, nghĩa quân Trương Định tử tiết phá vây, sau đó bị Huỳnh Công Tấn phản bội, phục kích, tử tiết ngày 19 tháng 8 năm 1864. Trương Quyền (cùng Phan Chỉnh) tiếp tục sự nghiệp của cha, lập căn cứ ở Giao Loan (Rừng Lá) tiến công đồn Biên Hòa, giặc Pháp huy động lực lượng tấn công căng cứ Giao Loan, đến tháng 4 năm 1865 nghĩa quân mới tan rã, phong trào tạm lắng.

Trương Định, Trương Quyền mất nhưng phong trào kháng chiến chống Pháp không tắt. Long Thành, Nhơn Trạch, Biên Hòa, Tân Uyên tổ chức nhiều *hội kín* chống Pháp. Đến năm 1905, trong khi các phong trào kháng chiến vũ trang bị chìm trong máu, nhiều sĩ phu yêu nước hướng theo con đường Đông Du, Duy Tân thì ở Biên Hòa lão nghĩa sĩ Đoàn Văn Cự vẫn tổ chức

vũ trang chống Pháp, anh dũng hy sinh cùng 16 nghĩa binh, việc không thành nhưng tinh thần bất tử. Mộ và đền thờ còn ở Biên Hòa.

Ý chí bất khuất chống Pháp cứu nước của người Đồng Nai như lửa lòng ủ trấu, đến khi Đảng Cộng sản ra đời, khơi dậy truyền thống yêu nước, tập hợp lực lượng, phát huy được sức mạnh tổng hợp toàn dân.

Khi có Đảng lãnh đạo, phong trào cách mạng ở Đồng Nai đi vào tự giác, có tổ chức, hướng đến mục tiêu trước mắt và lâu dài, xác định từng bước đi thích hợp. Giai đoạn 1935 đến trước tháng 8 năm 1945, chủ yếu là dân sinh dân chủ kết hợp với đấu tranh chính trị, nuôi dưỡng lực lượng vũ trang để chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị liên tục của các tầng lớp nhân dân chứng tỏ sự trưởng thành của các lực lượng cách mạng: Liên đoàn học sinh trường tiểu học Bình Hòa được Đảng lãnh đạo rải truyền đơn kêu gọi tinh thần cách mạng ngày 1 tháng 5 năm 1935; mít tinh trọng thể tại Gò Dê (Bình Ý) tháng 9 năm 1936; Cuộc đấu tranh đòi giảm sưu thuế của nhân dân Long Thành và cuộc đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm của công nhân nhà máy BIF thắng lợi. Đầu năm 1937, các cơ sở Đảng phát triển, thành lập Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Trương Văn Bang làm bí thư, đến giữa năm có thêm các chi bộ Đảng: Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Thiện Tân, Bình Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Quới, Xuân Lộc.. Năm 1940, việc tham gia chuẩn bị tổng khởi nghĩa Nam kỳ được tiến hành ráo riết nhưng bị lộ, bị đàn áp, nhiều tổn thất: một số đảng viên bị bắt, bị giết hoặc tù đày; một bộ phận có

vũ trang thô sơ rút vào rừng (là một trong số các bộ phận hình thành Chi đội 10 sau Cách mạng tháng Tám). Từ ngày 28 tháng 7 năm 1941, phát xít Nhật vào Biên Hòa, dân Đồng Nai thêm một trùng áp bức.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, lập chính quyền và các tổ chức thân Nhật; lãnh đạo Đảng nhận định tình hình, chọn thời cơ cách mạng; địa phương Biên Hòa cùng cả nước thực hiện lệnh tổng khởi nghĩa; buộc tỉnh trưởng ngụy Nguyễn Văn Quý phải chuyển giao chính quyền cho đại diện nhân dân lúc 11 giờ 30 phút ngày 26 tháng 8 năm 1945.

2. Các tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên ở Biên Hòa

Khi thực dân Pháp nổ súng chiếm Gia Định - Biên Hòa, nhân dân các dân tộc ở Biên Hòa đã không ngừng khởi nghĩa đấu tranh rất anh dũng. Đồng Nai cũng là nơi sớm ra đời đội ngũ công nhân từ đầu thế kỷ 20, phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh. Đó là những yếu tố quan trọng và cần thiết để những hạt nhân nòng cốt của Đảng nhanh chóng phát triển hình thành các tổ chức Đảng.

Tháng 10 năm 1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản đã thành lập ở đồn điền Cao su Phú Riềng. Đây là tổ chức Đảng đầu tiên được thành lập trong giai cấp công nhân ở miền Đông Nam Bộ. Chi bộ Đảng Phú Riềng là người tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh ngày 3 tháng 2 năm 1930 của 5.000 công nhân cao su đình công, chiếm sở, mở đầu cho phong trào 1930-1931 trong toàn miền.

Tháng 2 năm 1935, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Bình Phước - Tân Triều được thành lập, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào mặt trận dân chủ Đông Dương ở Biên Hòa, làm nòng cốt hình thành Tỉnh ủy Biên Hòa năm 1937. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa, phong trào 1936-1939 là bước tập dợt rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân, tạo niềm tin để cách mạng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ khi thực dân Pháp khủng bố trắng từ cuối năm 1939, khôi phục phong trào và phát động cao trào giải phóng dân tộc những năm 1944-1945.

Ngày 26 tháng 8 năm 1945, chỉ mới chưa đầy 50 đảng viên cộng sản, một số chi bộ và đảng viên từ nhiều nơi hội tụ về làm nòng cốt lãnh đạo, nhân dân Biên Hòa đã nhất tề đứng lên giành lấy chính quyền từ tay Phát xít Nhật, cùng với cả nước làm nên cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám, đập tan chế độ thực dân nửa phong kiến, giành độc lập cho dân tộc.

3. Các đơn vị vũ trang tiên thân

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng nước ta, mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Đúng ngày Đảng ta ra đời, Chi bộ Đảng ở đồn điền cao su Phú Riềng Biên Hòa¹ đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân đòi dân sinh, dân chủ, chống tư

¹ Nay là công ty cao su Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

bản thực dân Pháp áp bức bóc lột. Cuộc đấu tranh chính trị đã chuyển thành cuộc nổi dậy có vũ trang. Đội Xích vệ đã tước vũ khí đội bảo vệ đồn điền, phát động công nhân nổi dậy, chiếm trụ sở, treo cờ búa liềm... Đội Xích vệ Phú Riêng là hình thức tổ chức vũ trang nhân dân hình thành đầu tiên ở Biên Hòa. Đây cũng là cuộc đấu tranh có vũ trang đầu tiên của đội ngũ giai cấp công nhân ở Biên Hòa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phong trào cách mạng ở Biên Hòa có những bước phát triển sâu và rộng hơn. Từ hạt giống đỏ Phú Riêng, Bình Phước - Tân Triều¹, qua phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương, hàng loạt các chi bộ Đảng đã được thành lập ở huyện Châu Thành (tức huyện Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa ngày nay), Xuân Lộc, Tân Uyên. Tháng 2 năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập.

Tháng 7 năm 1940, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập đội vũ trang cách mạng của tỉnh gồm 35 chiến sĩ. Đội vũ trang do đồng chí Huỳnh Liễn, Tỉnh ủy viên phụ trách, Trần Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy. Trang bị của đội phần nhiều là giáo mác, một vài khẩu súng hai nòng tịch thu được của bọn tề, tổng, ngụy. Cả đội đứng chân tập luyện ở rừng Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa

Ngày 23 tháng 1 năm 1940, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Sài Gòn và một số tỉnh. Do có bọn phản bội bên trong, cuộc khởi nghĩa thất bại. Tại Biên Hòa, thực dân

¹ Chi bộ Bình Phước - Tân Triều thành lập tháng 2-1935.

Pháp tập trung lực lượng tấn công vào căn cứ ở Lạc An. Đội đã tổ chức chống trả quyết liệt nhưng do vũ khí thô sơ, không chống cự lại được. Đồng chí Huỳnh Liên phụ trách đội bị trọng thương và bị bắt, không chịu cho thực dân Pháp băng bó và hy sinh trước sự kinh ngạc của kẻ thù. Đồng chí Trần Văn Quý cho đơn vị rút sâu vào rừng, dựa vào thiên nhiên và quần chúng trong vùng để tồn tại. Tháng 8 năm 1945, Chín Quý đưa đội vũ trang ra tham gia cướp chính quyền ở thị trấn Tân Uyên, sau đó trở thành một bộ phận của Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 5 năm 1945, tổ chức Thanh niên Tiền Phong do Xứ ủy Nam kỳ lãnh đạo được thành lập. Tại Biên Hòa, tổ chức Thanh niên Tiền Phong do thầy giáo Huỳnh Thiện Nghệ đứng đầu, đã nhanh chóng phát triển ở thị xã, nông thôn, thu hút thanh niên nam nữ đủ mọi giai cấp, tầng lớp: công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, công, tư chức. Trong các nhà máy như Đê-pô xe lửa Dĩ An, nhà máy cửa BIF, các đồn điền cao su ở tỉnh Biên Hòa, tổ chức mang tên *Thanh niên Tiền Phong ban xí nghiệp*. Vũ khí trang bị chủ yếu là gậy tầm vông, dây thừng, dao mác... làm nhiệm vụ tuần tra canh gác bảo vệ xóm, làng, nhà máy, đồn điền.

Trong lúc đó tại tỉnh lỵ Biên Hòa, Nguyễn Đình Ưu, một công chức ngân hàng nông khố tỉnh có tư tưởng yêu nước, qua quen biết đã vận động bọn sĩ quan Nhật cho cất giấu gần 40 khẩu súng các loại, để sau này chuyển giao cho chính quyền cách mạng xây dựng lực lượng vũ trang. Như vậy là đội Xích Vệ đồn điền cao su Phú Riêng năm 1930; đội vũ trang Biên Hòa thành lập

tháng 7 năm 1940, lực lượng Thanh niên Tiền phong năm 1945 là những tổ chức vũ trang nhân dân. Tuy thành lập ở các thời điểm khác nhau, trong các điều kiện khác nhau, nhưng đã có vai trò trong cuộc đấu tranh của quần chúng. Đặc biệt đội vũ trang Nam Kỳ khởi nghĩa và Thanh niên Tiền phong là lực lượng nòng cốt phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa.

Có thể nói, các lực lượng vũ trang quần chúng ở Biên Hòa ra đời trước Cách mạng Tháng Tám là một tất yếu, đáp ứng được những yêu cầu đấu tranh chống áp bức, đấu tranh giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, thực dân Pháp. Đó là những đơn vị vũ trang sơ khai, tiền thân của lực lượng vũ trang Đồng Nai sau này.

*

* *

Tỉnh Đồng Nai ở vào khu vực trung tâm ở miền Đông Nam Bộ, án giữ một cửa ngõ quan trọng của Thành phố Hồ Chí Minh và các hành lang chiến lược nối Sài Gòn với các tỉnh Nam Bộ, với cả nước. Nhân dân Đồng Nai có truyền thống yêu nước và đấu tranh chống ngoại xâm bất khuất. Các tổ chức Đảng Cộng sản ra đời sớm và nhanh chóng xác lập sự lãnh đạo của mình trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Tất cả các yếu tố nêu trên vừa là tiền đề, vừa là những tác nhân chi phối sâu sắc đến quá trình hoạt động công tác đảng, công tác chính trị của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai từ ngày thành lập cho đến ngày nay.

PHẦN THỨ NHẤT

**CÔNG TÁC ĐẢNG,
CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
TỈNH BIÊN HÒA TRONG KHÁNG
CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945-1954)**

Chương một

TỪNG BƯỚC XÁC LẬP SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH BIÊN HÒA (1945-1950)

I. XÁC LẬP SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG XÂY DỰNG VÀ THỐNG NHẤT LỰC LƯỢNG VŨ TRANG (1945-1946)

1. Giáo dục chính trị, xây dựng quyết tâm kháng chiến trong các đơn vị vũ trang ở tỉnh Biên Hòa

Sau cách mạng tháng Tám thành công, ngày 27 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa tổ chức cuộc mít tinh lớn tại Quảng trường Sông Phố với gần 1 vạn người tham gia. Đồng chí Hà Huy Giáp, thay mặt Xứ ủy Nam Bộ đến tham dự. Trong cuộc mít tinh, danh sách Ủy ban nhân dân tỉnh lâm thời tỉnh Biên Hòa được công bố do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ tịch. Thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa đã chỉ đạo kiểm tra toàn bộ tài sản của chính quyền còn lại (như các tài sản công, kho bạc); tuyên bố tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn tư bản, địa chủ phong kiến để phân

lại cho nông dân nghèo không ruộng đất canh tác; xóa bỏ thuế thân; giảm tô 25% cho nông dân; phát động phong trào tăng gia sản xuất chống đói; phong trào xóa mù chữ và bình dân học vụ... Đi đôi để đảm bảo an ninh trật tự, Ủy ban nhân dân lâm thời của tỉnh đã chỉ đạo thành lập quốc gia tự vệ cuộc và cảnh sát tỉnh, có nhiệm vụ bảo vệ các công sở, triển khai các biện pháp nghiệp vụ phát hiện nhiều tổ chức phản động âm mưu gây chia rẽ quần chúng (vụ trót kít ở Hiệp Hòa).

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp nổ súng tấn công ở Sài Gòn - Gia Định, mở đầu công cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Hưởng ứng lời kêu gọi “Toàn dân đoàn kết bảo vệ quốc gia” của Xứ ủy, Ủy ban nhân dân Nam Bộ, nhân dân cùng các lực lượng vũ trang ở Sài Gòn - Gia Định thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, bất hợp tác với thực dân Pháp, “... nắm chắc vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước, cuộc kháng chiến bắt đầu”¹.

Trước tình hình khẩn trương, đêm 23 tháng 9 năm 1945, đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy Nam Bộ triệu tập cuộc họp cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại nhà hội Bình Trước. Dự họp có 40 đảng viên, bao gồm những đảng viên người tại chỗ, hoạt động lâu năm ở địa phương, những đảng viên từ nhà tù Côn Đảo trở về được Xứ ủy giới thiệu về Biên Hòa. Đồng chí Hà Huy Giáp đã

¹ Lời kêu gọi “toàn dân đoàn kết bảo vệ quốc gia”, trích trong *Địa chí Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh*. Trần Văn Giàu chủ biên. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh 1987, tr 356.

thông báo tình hình, âm mưu xâm lược của thực dân Pháp và chỉ đạo tỉnh Biên Hòa phải xác lập sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài, trong đó có vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương. Hội nghị đã bầu Ban chấp hành Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa gồm 11 người do đồng chí Trần Công Khanh làm Bí thư, Hoàng Minh Châu phó Bí thư. Đồng chí Phan Đình Công được bầu vào Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách quân sự; đồng chí Ngô Hà Thành, tỉnh ủy viên làm trưởng Quốc gia tự vệ cuộc (tiền thân Ty công an).

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hoà. Các lực lượng vũ trang ở Biên Hoà rút ra khỏi quận lỵ Châu Thành. Trước đó, tin mặt trận Sài Gòn - Gia Định thất thủ đã tác động đến Biên Hoà. Tỉnh ủy lâm thời, Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị các phương án chuyển văn phòng ra ngoại vi quận Châu Thành (Biên Hoà), đồng thời chỉ đạo phát động phong trào “tiêu thổ kháng chiến”, “bất hợp tác” với thực dân Pháp. Khi xe tăng, xe quân sự Pháp theo ngã cầu Gành, cầu Rạch Cát tiến vào trung tâm tỉnh lỵ, nhà nhà trong quận lỵ đều đóng cửa, chợ búa không hoạt động, các thiết bị máy móc (sở Trường Tiền) đã bị tháo gỡ di chuyển ra vùng căn cứ. Những cụm khói từ nhà máy BIF (Biên Hoà) vẫn còn bốc cao do công nhân đã triệt để thi hành “tiêu thổ kháng chiến” trước đó, bao vây, ngăn chặn giặc Pháp mở rộng lấn chiếm¹.

¹ Phải đến gần cuối tháng 1-1946, thực dân Pháp mới cơ bản đóng chiếm hết tỉnh Biên Hoà.

a. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu

Thực hiện nghị quyết Hội nghị Bình Trước, công tác xây dựng huấn luyện cán bộ quân sự tỉnh được triển khai khẩn trương; phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Quận ủy Châu Thành, các ban ngành của tỉnh trong việc tìm địa điểm mở trường, phục vụ hậu cần, vũ khí trang bị huấn luyện, đội ngũ giảng dạy... Nhiệm vụ của trường được Tỉnh ủy xác định là đào tạo những cán bộ quân sự cho địa phương, vững vàng về chính trị kiên quyết chiến đấu bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Trường được gọi tên là Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu. Trại huấn luyện được tổ chức ở ấp Vĩnh Cửu xã Tam Hiệp quận Châu Thành (Biên Hòa). Đó là một khu đất trống nhiều cây rừng xen ruộng rẫy và một ngôi nhà của thầy giáo Hồ Văn Thế hiến cho cách mạng để làm văn phòng của Trại và mở lớp. Đồng chí Phan Đình Công phụ trách chung. Đồng chí Nguyễn Xuân Diệu trực tiếp phụ trách đào tạo, huấn luyện. Giáo viên đầu tiên gồm đồng chí Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định (quân sự) và giáo sư Phạm Thiều, Thanh Sơn (chính trị) và một số sĩ quan người Nhật tham gia kháng chiến. Khi bộ đội Nam tiến vào đến Biên Hòa, Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu được tăng cường thêm một số giảng viên đã tốt nghiệp trường Quân chính Việt Bắc như Đỗ Hi Vọng, Mạnh Liên, Quang Phục, Trần Đình Cửu...

Học viên của trường ban đầu đa phần là thanh niên công nhân yêu nước của nhà máy cưa BIF Biên

Hòa, công nhân các sở cao su ở Châu Thành, học sinh và một số thanh niên từ Sài Gòn về gia nhập. Vũ khí của trại do đồng chí Nguyễn Đình Iu, nguyên công chức Ngân hàng Nông nghiệp ở Biên Hoà thông qua mối quan hệ của mình với các sĩ quan Nhật mua được cất giấu, cung cấp. Hậu cần cho các khóa sinh do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp, chủ yếu dựa vào nguồn huy động trong nhân dân. Hội Phụ nữ tỉnh cử nhiều cán bộ phụ nữ năng nổ nhiệt tình hàng ngày nấu ăn, nấu nước để phục vụ cho các học viên ở Trại.

Lớp huấn luyện khai giảng vào ngày 26 tháng 9 năm 1945. Nội dung học tập gồm hai phần chính trị và quân sự. Nội dung chính trị do giáo sư Phạm Thiều phụ trách giảng dạy, các học viên được học về lịch sử và truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam; mục đích kháng chiến giành độc lập. Đặc biệt trong giáo trình giảng dạy chính trị, nhà trường nhấn mạnh đến ý nghĩa của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trong Cách mạng tháng Tám 1945, tạo thêm không khí phấn khởi, thi đua học tập và xác định trách nhiệm cao cả của các học viên là: làm nòng cốt để xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, kiên quyết chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc còn non trẻ. Phần quân sự, học viên được học về sử dụng các loại vũ khí; kỹ thuật và chiến thuật cá nhân, phân đội... do đồng chí Nguyễn Xuân Diệu và các sĩ quan người Nhật huấn luyện. Đến tháng 10 năm 1945, trường được tăng cường thêm một số giảng viên tốt nghiệp trường Quân sự Trần Quốc Tuấn theo đoàn quân Nam tiến vào giảng dạy.

Đây là trường huấn luyện vũ trang đầu tiên do Đảng bộ Biên Hòa tổ chức. Chương trình, nội dung huấn luyện còn giản đơn, nhưng trường mở trong điều kiện không khí cách mạng tháng Tám còn rất sục sôi với nền độc lập mới; thời điểm thực dân âm mưu cướp ta lần thứ hai, nên các học viên đều rất quyết tâm.

Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu (Biên Hòa) là tiền thân của Trường Quân chính Khu 7 sau này.

b. Vệ quốc đoàn Biên Hòa

Khi thực dân Pháp chiếm Sài Gòn, Ủy ban kháng chiến miền Đông do Lương Văn Tương phụ trách rút về Biên Hòa (đóng ở ngã ba Dốc Sỏi, xã Bình Trước quận Châu Thành). Ngày 25 tháng 10 năm 1945, Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, Lương Văn Tương dẫn một bộ phận rút theo hướng Xuân Lộc ra Bình Thuận. Huỳnh Văn Nghệ vốn quê hương ở Tân Tịch, quận Tân Uyên, học sinh trường Petrus Ký, một thời kỳ dài hoạt động ở Thái Lan. Ông cũng là người được Bí thư Xứ ủy Trần Văn Giàu cử về nghiên cứu rừng Tân Uyên chuẩn bị xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài từ trước Cách mạng tháng Tám 1945, đã đưa lực lượng vũ trang này về Tân Uyên. Bằng uy tín cá nhân, Huỳnh Văn Nghệ với định hướng xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài, đã cử người liên lạc với Trần Văn Quý, nguyên là đảng viên cộng sản năm 1937, lãnh đạo đội du kích khởi nghĩa Nam kỳ (xây dựng tháng 7-1940); đội vũ trang tự vệ do Cao Văn Bỏ chỉ huy (thành lập khi cướp chính quyền ở thị trấn Tân Uyên); lực lượng vũ trang công nhân hàng hải từ

Sài Gòn lên (do Đào Văn Quang chỉ huy), trại huấn luyện Sở Tiêu (Tân Uyên) do Hoàng Bá Bích phụ trách. Trên cơ sở tập hợp những đơn vị này, Vệ quốc đoàn Biên Hòa đã được thành lập do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy.

Công tác chính trị trong Vệ quốc đoàn Biên Hòa được chỉ huy trưởng triển khai bảy giờ cũng đơn giản: Mục tiêu chiến đấu của chiến sĩ Vệ quốc đoàn là bảo vệ độc lập không cho thực dân quay lại cướp nước ta lần nữa. Hai, nhiệm vụ của Vệ quốc đoàn là phát triển lực lượng chiến đấu bảo vệ nhân dân. Ba, để có điều kiện chiến đấu phải gần dân, vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến.

Lực lượng Vệ quốc đoàn Biên Hòa lúc bấy giờ gồm 4 phân đội, mỗi phân đội có từ 12 - 15 chiến sĩ, trang bị một số súng trường, dao, mã tấu và lựu đạn. Đơn vị thường được nhân dân trong vùng gọi tên là “Bộ đội Tám Nghệ”. Đặc biệt, ngay từ đầu Ban chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa đã quan tâm đến việc giáo dục tư tưởng và chính trị cho cán bộ chiến sĩ, trong các phân đội đều bố trí cán bộ phụ trách công tác chính trị (nhưng chưa phải là đảng viên) nhằm động viên, giáo dục chiến sĩ giữ vững tinh thần ý chí chiến đấu chống thực dân Pháp.

- *Phân đội 1*: Do đồng chí Nguyễn Văn Học (thường gọi Học già) làm phân đội trưởng; Nguyễn Ngọc Ngộ phân đội phó chính trị.

- *Phân đội 2*: Do Đào Văn Tiêm làm phân đội trưởng; Nguyễn Văn Khoa phân đội phó chính trị.

- *Phân đội 3*: Do Nguyễn Văn Lắm làm phân đội trưởng; Nguyễn Đình Vị phân đội phó chính trị.

- *Phân đội quốc tế*: Hay phân đội 4, do Lê Thoa làm phân đội trưởng.

Văn phòng Ban chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa được tổ chức¹. Đặc biệt trong văn phòng Vệ quốc đoàn có hai bộ phận tác nghiệp có liên quan đến công tác chính trị:

- Bộ phận công tác huấn luyện chính trị, quân sự: Đồng chí Đỗ Ngọc Lạng, ủy viên phụ trách.

- Bộ phận tổ chức đường dây giao liên: Đồng chí Lâm Văn Phụng (tức Rùa) và Sáu Lĩnh, ủy viên phụ trách. Bộ phận có trách nhiệm xây dựng cơ sở nhân dân để hình thành đường dây liên lạc từ Biên Hòa - Sài Gòn và ngược lại, tiếp nhận sự ủng hộ của đồng bào ngoài thành cho kháng chiến.

Như vậy ngay từ đầu khi thành lập, Ban chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa đã chú trọng đến công tác chính trị trong lực lượng. Các phân đội đều có phân đội phó phụ trách chính trị. Tuy nhiên ở cấp độ Chỉ huy đơn vị vẫn chưa có người phụ trách công tác chính trị (chỉ có

¹ Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy trưởng.

- Chánh văn phòng: Đồng chí Cao Văn Bồ.

- Ủy viên quản trị: Đồng chí Đào Văn Quang, chịu trách nhiệm tổ chức mua và vận chuyển lương thực, thuốc tân được điều trị bệnh và lương thực từ nội thành về vùng căn cứ phục vụ cho bộ đội.

- Ủy viên phụ trách căn cứ: Đồng chí Trần Văn Quý, xây dựng căn cứ và “sanh sản tự túc” (tức sản xuất tự túc).

huấn luyện chính trị là Đỗ Ngọc Lạng). Nội dung công tác giáo dục chính trị còn sơ lược về truyền thống yêu nước của dân tộc, cổ vũ tinh thần chiến đấu cho chiến sĩ bảo vệ nền độc lập, quan hệ tốt với nhân dân.. Đại đa số cán bộ chỉ huy của Vệ quốc đoàn đến các phân đội chưa phải là đảng viên Cộng sản, nhưng quyết tâm kháng chiến cao, tổ chức chặt chẽ hơn các đơn vị khác, trở thành hạt nhân nòng cốt để thống nhất lực lượng vũ trang ở Biên Hòa.

c. Giải phóng quân quận Châu Thành (Biên Hòa)

Do Quận ủy Châu Thành tỉnh Biên Hòa chỉ đạo xây dựng, bao gồm một bộ phận Thanh niên Tiền phong và lực lượng Công đoàn xung phong của nhà máy cưa BIF. Lực lượng 60 chiến sĩ tổ chức 5 tiểu đội trang bị 30 súng các loại, do Doãn Tiến Nghiệp, nguyên là “đội” trong sân bay Biên Hoà, sau là Lê Văn Ngọc chỉ huy lấy tên là Giải phóng quân Biên Hoà, thường được gọi tên là “Bộ đội Sáu Ngọc”. Giải phóng quân quận Châu Thành đứng chân huấn luyện khu vực nam sông Đồng Nai từ Bình Hoà đến Thiện Tân. Đơn vị này không có cán bộ phục trách công tác chính trị.

Ngoài đơn vị bộ đội Giải phóng quân Biên Hoà, ở quận Châu Thành còn hình thành một số đơn vị vũ trang mang tính chất tự phát do những cá nhân yêu nước thành lập. Đó là bộ đội Nguyễn Chức Sắc, bộ đội Hồ Hòa ở Tân Phong.. tổ chức nhiều hoạt động phối hợp cùng bộ đội Sáu Ngọc đánh địch ở khu vực ngoại vi tỉnh lỵ Biên Hòa.

Cũng như đơn vị “Bộ đội Tám Nghệ”, chỉ huy của đơn vị và cán bộ, chiến sĩ đều chưa phải là đảng viên Cộng sản.

d. Vệ quốc đoàn quận Long Thành

Đầu tháng 9 năm 1945, để chuẩn bị kháng chiến, Quận uỷ Long Thành chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Ngoài các đội dân quân tự vệ xã nào cũng có, từ 16 đến 21 tháng 9 năm 1945, quận Long Thành hình thành lực lượng vũ trang lấy tên là “Cộng hoà vệ binh” do đội Giám¹ chỉ huy, gồm 27 chiến sĩ, trang bị 11 súng cướp được của bọn mã tà (cảnh sát) trong Cách mạng tháng Tám, còn lại là tầm vông, giáo, mác... do các chiến sĩ tự trang bị. Cuối tháng 9 năm 1945, từ Thủ Đức một đơn vị Cộng hoà vệ binh 50 chiến sĩ trang bị 12 súng rút về Long Thành, sáp nhập cùng lực lượng Cộng hoà vệ binh của quận.

Trung tuần tháng 10 năm 1945, Trại huấn luyện Du kích Vĩnh Cửu đã tăng cường 11 cán bộ quân sự vừa tốt nghiệp về Long Thành², mang theo 11 khẩu súng. Theo chỉ đạo của Quận uỷ Long Thành, các đồng chí đã mở lớp huấn luyện quân sự chính trị đầu tiên ở Long Thành tại Hang Nai (xã Phước An, nay là xã Phước Thọ huyện Nhơn Trạch) cho 46 thanh niên để bổ sung cho Cộng hoà vệ binh quận.

¹ Nguyên là chỉ huy một đội lính khố đỏ trước đây, sau cách mạng tháng Tám được cử làm uỷ viên quân sự quận Long Thành.

² Như các anh Võ Minh Như, Nguyễn Văn Toàn, Mỹ, Diêng, Ái, Võ Sĩ Đạo, Huỳnh Văn Đạo...

Cùng thời gian này, Ban Đồng Nai ở tổng Thành Tuy Hạ¹ xây dựng được một đơn vị vũ trang 20 chiến sĩ, trang bị 7 súng do Nguyễn Văn Đọt chỉ huy (thường gọi là thủ lĩnh Đọt); một đơn vị với danh nghĩa công đoàn xung phong Phú Nhuận do Nguyễn Văn Lộc (Tư Lộc) chỉ huy, có 4 súng trường, 1 súng săn. Sau hai lực lượng này sáp nhập lại thành một. Lực lượng vũ trang này không đặt dưới sự chỉ huy của Quận ủy Long Thành.

Ở Long Thành còn một lực lượng vũ trang từ nội thành Sài Gòn kéo ra do 4 tên Nguyễn Văn Du, Trịnh Công Tây, Nguyễn Văn Trực, Lê Văn Cảnh khoảng 70 chiến sĩ, trang bị 20 súng về đóng quân ở khu vực thị trấn dài lên xã Phước Long. Chúng tự xưng là “đệ nhị sư đoàn”, nhưng thực chất chỉ là một toán phi chuyên cướp bóc, giết hại dân lành ở Long Thành. Cuối tháng 10 năm 1945, lực lượng Quốc gia tự cuộc Long Thành (tiền thân của công an vũ trang) kết hợp cùng lực lượng Cộng hòa vệ binh quận tổ chức giải tán lực lượng đệ nhị sư đoàn, bốn tên Tây, Du, Trực, Cảnh bị xử tội. Riêng tên đội Giám được khoan hồng trốn chạy về Sài Gòn.

Đến tháng 11 năm 1945, sau lớp đào tạo cán bộ quân sự của trường quân chính quận, Quận ủy Long Thành quyết định sáp nhập lực lượng Cộng hòa vệ binh với lực lượng vừa tốt nghiệp, thành lập Giải phóng quân của Long Thành. Lực lượng gồm 200 quân, trang bị 92 súng các loại, 150 lựu đạn và hơn 1.000 viên đạn. Giải

¹ Ban Đồng Nai là ban thủ lĩnh của đoàn Thanh niên Tiên phong của sở cao su Ba lạng xi và công nhân Thành Tuy Hạ.

phóng quân quận Long Thành do Nguyễn Tam Nguyên chỉ huy trưởng, Huỳnh Văn Đạo chỉ huy phó, tổ chức thành 3 phân đội:

- *Phân đội 1*: Do Nguyễn Văn Đọt phân đội trưởng, Dương Ngọc Thạch phân đội phó, hoạt động từ thị trấn Long Thành đến Phước Thái (giáp Bà Rịa).

- *Phân đội 2*: Do Huỳnh Trước phân đội trưởng, hoạt động khu vực tổng Thành Tuy Hạ.

- *Phân đội 3*: Do Nguyễn Tam Nguyên kiêm nhiệm phân đội trưởng, hoạt động từ thị trấn đến Bến Gỗ.

Điểm lưu ý là trong các phân đội không có cán bộ làm công tác chính trị. Việc giáo dục tư tưởng, mục tiêu nhiệm vụ của các phân đội, mối quan hệ giữa bộ đội với nhân dân chưa được làm rõ. Việc xây dựng cán bộ chỉ huy chưa được chọn lọc và đào tạo nhất là về tư tưởng và chính trị.

Đêm 26 tháng 1 năm 1946, hay tin thực dân Pháp chuẩn bị đánh chiếm Long Thành, Nguyễn Tam Nguyên bỏ chạy, lực lượng giải phóng quân quận Long Thành đổi tên thành Vệ quốc đoàn, do Huỳnh Văn Đạo làm trung đội trưởng và Nguyễn Văn Lung trung đội phó. Các phân đội được tổ chức lại: Phân đội 1 do Nguyễn Văn Toàn phân đội trưởng. Phân đội 2 do Võ Minh Như phân đội trưởng. Phân đội 3 do Dương Ngọc Thạch phân đội trưởng. Cán bộ chỉ huy đơn vị và chiến sĩ đều chưa phải đảng viên Cộng sản, nhưng quyết tâm kháng chiến cao và sau lần củng cố này, Quận ủy Long Thành chú trọng hơn về công tác tư tưởng, tuyên

truyền chính trị về bản chất bộ đội và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng hơn, vì nhân dân không chỉ là nguồn cung cấp tình hình, mà còn là cơ sở đảm bảo hậu cần cho lực lượng.

2. Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong thống nhất và xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh

Vệ quốc đoàn Biên Hòa do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy đứng chân ở Tân Uyên; Giải phóng quân quận Châu Thành do Lê Văn Ngọc chỉ huy đứng chân khu vực Thiện Tân; Vệ quốc đoàn Long Thành do Huỳnh Văn Đạo chỉ huy, mỗi đơn vị một hoàn cảnh ra đời khác nhau, nhưng đều do những cá nhân yêu nước, có quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp vì mục tiêu độc lập dân tộc. Đó là 3 đơn vị tiên thân của Chi đội 10 Biên Hòa sau này.

Các lực lượng vũ trang một là dựa vào sự lãnh đạo của các quận ủy (tuy chưa phải là chặt chẽ và thống nhất như ở Châu Thành và Long Thành), hoặc dựa vào cá nhân có uy tín (như bộ đội Tám Nghệ ở Tân Uyên). Công tác chính trị, giáo dục tư tưởng về mục tiêu chiến đấu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, công tác dân vận, sự gắn bó giữa bộ đội với dân.. trong các đơn vị chưa được chú trọng hoặc còn rất sơ lược. Đây là một thực tế khó khăn do các chỉ huy chưa nhận thức được sự quan trọng của công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa về tổ chức, huấn luyện, chỉ huy quân sự còn nhiều hạn chế cả về nhận thức lý luận và thực tế.

Trong báo cáo của Đoàn đại biểu quân sự Nam Bộ ngày 24 tháng 11 năm 1948 đã có nhận định đánh giá về công tác đảng, công tác chính trị của các lực lượng tập trung giai đoạn đầu kháng chiến như sau: “Bộ đội chính thức: tổ chức không có chính trị viên. Trong các cấp, mọi việc đều do đội trưởng, đội phó quyết định. Các bộ đội này chỉ lo đánh giặc, không có công tác chính trị đối nội đối ngoại gì cả”. Và “Khởi đầu cuộc kháng chiến, phần lớn cán bộ chỉ “đơn thuần là yêu nước” không quan niệm gì rõ rệt về tổ chức và lãnh đạo, đâm ra lúng túng hoang mang khi xảy ra khó khăn hay thất bại. Cũng không biết cách dàn xếp trong nội bộ, không nắm được bộ đội, một bộ phận trở nên thoái hóa, quân phiệt, gây rối, tai hại cho cơ quan chính quyền, một số đầu hàng giặc”¹.

Việc thống nhất các lực lượng vũ trang riêng lẻ, đảm bảo sự lãnh đạo chung khi thực dân Pháp ngày càng mở rộng công cuộc xâm lược ở quy mô toàn quốc nói chung, ở tỉnh Biên Hòa nói riêng, là yêu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, đồng thời cũng là một quy luật để đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng với quân đội, lực lượng nòng cốt cho cuộc kháng chiến lâu dài bảo vệ nền độc lập vừa giành được. Công tác huấn luyện giáo dục chính trị trong đơn vị cũng đặt ra nhằm làm rõ bản chất của lực lượng vũ trang, xác định mục tiêu chiến đấu và mối quan hệ gắn bó với nhân dân.

¹ Hồ sơ A8-LS/CCTQK7. *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 7*, tập I. Nxb QĐND, H. 2003, tr. 42-43.

Việc thống nhất các lực lượng vũ trang ở Biên Hoà gặp không ít khó khăn: Tuy có cùng mục tiêu kháng chiến chống thực dân Pháp, nhưng thiếu lãnh đạo thống nhất của Đảng, chỉ huy các đơn vị chưa hiểu nhau, còn nhiều tư tưởng kèn cựa, cá nhân, địa phương chủ nghĩa không ai muốn đơn vị mình xây dựng dưới quyền chỉ huy của người khác...

Tình hình chiến trường Biên Hòa vào thời điểm đầu năm cho đến tháng 4 năm 1946, nhất là sau khi có Tạm ước 6 tháng 3 năm 1946 cho thấy: Thực dân Pháp đã thực hiện nhiều cuộc càn quét với quy mô lớn vào nơi đứng chân của lực lượng vũ trang kháng chiến (Tân Uyên - Chiến khu Đ) tạo ra những thách thức lớn cho kháng chiến. Chính quyền cơ sở hầu hết tan rã, lực lượng vũ trang rút sâu vào rừng, quan hệ với dân gặp khó khăn, ảnh hưởng đến việc tiếp tế cho bộ đội. Vấn đề cần có sự lãnh đạo thống nhất và vững vàng với vũ trang được đặt ra lại càng cấp thiết.

Vấn đề thống nhất các lực lượng vũ trang ở Biên Hoà là một quá trình nỗ lực của các chỉ huy đơn vị với nhiều khó khăn. Một yếu tố có tác động đến việc thống nhất các lực lượng ở Biên Hoà là thiếu sự lãnh đạo tập trung của Tỉnh ủy. Bởi cuối tháng 12 năm 1945, khi triển khai chỉ thị mang tính chất sách lược của Trung ương “Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán”, Tỉnh ủy Biên Hoà đã giải thể thực sự. Vai trò lãnh đạo và uy tín chính trị, quân sự của các đồng chí còn lại trong Ban chấp hành Tỉnh uỷ lâm thời chưa đủ để tập hợp các chỉ huy đơn vị.

Chỉ huy các đơn vị đã nhiều lần gặp gỡ, trao đổi về vấn đề hợp nhất các lực lượng vũ trang. Nhưng vấn đề đấu tranh tư tưởng là khi thống nhất, đơn vị nào là nòng cốt, ai sẽ là người chỉ huy... vẫn lẩn tránh chưa có cách giải quyết thống nhất. Vấn đề này chỉ thực sự được giải quyết sau khi đồng chí Nguyễn Đức Thuận thay mặt Khu ủy miền Đông triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh ở Cù lao Vịt (Tân Triều) tháng 4 năm 1946. Sự quan tâm của Khu ủy với phong trào cách mạng Biên Hòa có tác động lớn và quan trọng đến vấn đề tư tưởng, nhất là tư tưởng của những cán bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang ở địa phương.

Tại hội nghị này, đồng chí Nguyễn Đức Thuận đã giải thích rõ về chỉ thị “Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán”, khẳng định sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng với kháng chiến là yếu tố quyết định hàng đầu để tạo nên sức mạnh của kháng chiến. Hội nghị nhất trí cần phải xây dựng lại Tỉnh ủy, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất các lực lượng kháng chiến trong tỉnh về mặt tổ chức, chính trị, tư tưởng. Qua tham khảo ý kiến các đại biểu, đồng chí Nguyễn Đức Thuận chỉ đạo lập lại Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa. Hội nghị thông qua Ban chấp hành Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hoà do đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư, Huỳnh Văn Lũy phó Bí thư. Ông Nguyễn Văn Tàng được cử làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh. Trong hội nghị¹, đồng chí Huỳnh

¹ Nhiều đồng chí có ý kiến cho rằng đồng chí Huỳnh Văn Nghệ không có mặt trong hội nghị, mà cử đồng chí Võ Văn Mến đại diện Vệ Quốc đoàn Biên Hoà tham dự.

Văn Nghệ chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn Biên Hoà được cử làm uỷ viên Ủy ban hành chính tỉnh, phụ trách về quân sự. Với lực lượng Công an tỉnh (Quốc gia tự vệ cuộc đổi tên gọi từ tháng 4-1946), đồng chí Bí thư kiêm Trưởng ty. Lực lượng Ty công an gồm quốc vệ đội (công an vũ trang) và cảnh sát với nhiều đồng chí là đảng viên làm nòng cốt như Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký, Hoàng Đình Thương... và xây dựng được hệ thống công an ở các quận Xuân Lộc, Long Thành, Tân Uyên.

Hội nghị Tân Triều năm 1946 mang ý nghĩa như một Đại hội đại biểu Đảng toàn tỉnh Biên Hoà; một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đánh dấu việc từng bước Đảng bộ xác lập lại quyền lãnh đạo kháng chiến ở địa phương. Đồng thời việc đồng chí Huỳnh Văn Nghệ được tin nhiệm là sự kiện mở ra một bước ngoặt, tạo điều kiện thống nhất về tư tưởng, chính trị trong chỉ huy các đơn vị vũ trang để tiến tới thống nhất các lực lượng vũ trang ở tỉnh Biên Hòa.

Với danh nghĩa uỷ viên quân sự của Ủy ban hành chính tỉnh, tháng 5 năm 1946, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ triệu tập hội nghị quân sự toàn tỉnh Biên Hòa ở Đất Đền (xã Tân Hòa, quận Tân Uyên) gồm Ban chỉ huy các lực lượng vũ trang ở địa phương để trao đổi thống nhất vấn đề xây dựng, tăng cường sức mạnh của bộ đội kháng chiến.

Trong Hội nghị, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ cho rằng để có thể làm nhiệm vụ kháng chiến tiêu hao lực lượng quân xâm lược Pháp, thì nhiệm vụ trung tâm của công tác

chính trị lúc này là thống nhất các lực lượng riêng lẻ với nội dung chính là: Thống nhất tên gọi, biên chế tổ chức, chỉ huy, xây dựng bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang. Hội nghị đã thảo luận và đi đến quan điểm thống nhất giữa các chỉ huy đơn vị vũ trang trên địa bàn Biên Hòa với mục tiêu cao nhất là tăng cường sức mạnh vũ trang, tập trung lực lượng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Từ đó thống nhất cao về việc xây dựng vũ trang tập trung, thống nhất về chỉ huy, tổ chức.

Tháng 6 năm 1946, trong hội nghị quân sự Khu 7 do đồng chí Nguyễn Bình chủ trì, theo kết luận của Hội nghị quân sự tỉnh Biên Hòa ở Tân Hòa, Bộ Tư lệnh Khu 7 ra quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang ở Biên Hòa lấy tên Chi đội 10 Biên Hòa.

Triển khai quyết nghị của Bộ Tư lệnh Khu 7, Ban chỉ huy Chi đội được thành lập gồm các đồng chí: Huỳnh Văn Nghệ chi đội trưởng; Huỳnh Văn Đạo (sau là Nguyễn Văn Lung) chi đội phó; Phan Đình Công chính trị viên chi đội¹. Quân số Chi đội gồm 1.100 quân tổ chức thành 3 đại đội: A, B, C.

Đại đội A: Đại đội trưởng: Võ Tinh Quân; Đại đội phó: Nguyễn Văn Quan; Chính trị viên: Nguyễn Đình Vị. Đại đội A gồm 3 trung đội:

- Trung đội 1 đóng quân trên địa bàn Chiến khu Đ: Nguyễn Ngọc Ngộ - Trung đội trưởng; Hoàng Phùng Đức - Trung đội phó; Nguyễn Văn Được - Chính trị viên.

¹ Thực tế lúc này đồng chí Phan Đình Công đã về Phòng Chính trị Khu 7 phụ trách Ban công tác chính trị quần chúng.

- Trung đội 2, đứng chân ở Bình Chánh, Thái Hòa, Tân Ba, Phước Thành quận Tân Uyên. Nguyễn Văn Lắm - Trung đội trưởng; Hoàng Lập Trung - Trung đội phó; Hoàng Đình Cận - Chính trị viên.

- Trung đội 3, đứng chân trên địa bàn Bình Hóa, Tân Dân, Bình Mỹ (Tân Uyên). Nguyễn Khải - Trung đội trưởng; Nguyễn Văn Nhiều - Trung đội phó; Nguyễn Thanh Đạm - Chính trị viên.

Đại đội B: Đại đội trưởng: Lê Văn Ngọc; Đại đội phó: Đinh Quang Ân; Chính trị viên: Nguyễn Văn Khoa. Đại đội B gồm 3 trung đội:

- Trung đội 4 hoạt động vùng Đồng Lách, Đại An, Tân Định quận Tân Uyên và chuyển dần về hoạt động ở Xuân Lộc. Đinh Quang Ân - (kiêm nhiệm) Trung đội trưởng; Lê Văn Chừng - Trung đội phó; Ngô Đình Tiêu - Chính trị viên.

- Trung đội 5 đóng quân trên địa bàn Bình Đa, Vĩnh Cửu quận Châu Thành. Lê Thoa - Trung đội trưởng; Nguyễn Văn Quảng - Trung đội phó; Mạnh Xuân Tâm - Chính trị viên.

- Trung đội 6 (thành lập sau này) hoạt động khu vực quận Xuân Lộc. Võ Văn Vũ (Vũ Ba kệ) - Trung đội trưởng.

Đại đội C: Đại đội trưởng: Lương Văn Nho; Đại đội phó: Nguyễn Văn Toàn; Chính trị viên: Lưu Văn Phảng. Đại đội gồm hai trung đội:

- Trung đội 7, hoạt động khu vực quận Long Thành lên giáp tỉnh Bà Rịa. Võ Minh Như - Trung đội trưởng; Nguyễn Điện - Trung đội phó; Nguyễn Dự - Chính trị viên.

- Trung đội 8, Nguyễn Văn Mỹ - Trung đội trưởng; Nguyễn Hữu Nhân - Trung đội phó; đồng chí Đức - Chính trị viên.

Các Ban chuyên môn của Chi đội được thành lập¹. Mỗi đại đội đều có chính trị viên, nhưng công tác đảng công tác chính trị, chưa vào nền nếp, các cán bộ chỉ huy từ Chi đội đến đại đội, trung đội đều chưa phải đảng viên²; nhiều chiến sĩ đã qua thử thách chiến trường chưa được phát triển đảng... Đồng chí Phan Đình Công tuy danh nghĩa là chính trị viên Chi đội, nhưng nhiệm vụ chủ yếu lại là ở Ban công tác chính trị quần chúng của Khu 7. Lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hoà với lực lượng vũ trang chưa toàn diện và còn nhiều lúng túng do chưa có kinh nghiệm³. Điểm thống nhất cao trong chỉ huy và chiến sĩ của đơn vị là ý chí quyết tâm kháng chiến để giành độc lập dân tộc.

Trong tình hình lực lượng vũ trang mới thống nhất, quân số đông, nhưng công tác đảm bảo hậu cần,

¹ *Ban quản trị*: Đào Văn Quang phụ trách; *Ban quân nhu*: Nguyễn Văn Lượng và Nguyễn Ân Hồng phụ trách; *Ban quân trang*: Biện Ngọc Hưng phụ trách; *Ban quân y*: Bác sĩ Võ Cương phụ trách; *Ban sanh sản tự túc*: Trần Văn Quý phụ trách; *Ban trinh sát liên lạc*: Võ Văn Mến, sau là Đào Văn Quý phụ trách; sau đó đổi tên *Chi quân báo* do Bùi Trọng Nghĩa làm trưởng ban; *Binh công xưởng* Bùi Cát Vũ giám đốc; Đặng Sĩ Hùng phó giám đốc; Nguyễn Cao làm chính trị viên. Binh công xưởng chi đội đóng ở Bung Tre; *Kho vũ khí*: Nguyễn Hy Vọng phụ trách; *Văn phòng chi đội*: Cao Văn Bồ làm chủ nhiệm, Thư ký Ban chỉ huy chi đội: Hoàng Kim Chung. Các cán bộ quân y có: các anh Yên, Trọng, Phan Văn Nghĩa, Huỳnh Kim Sa, Nguyễn Văn Ngân, Ty, Tịnh, Sang...; các chị Mỹ, Kiều, Trinh, Hoàng Lê, Minh Tâm, Hai (móm), Ca, Bi, Thơm, Hào, Cháo...

² Theo đồng chí Nguyễn Văn Giỏi, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ đã được đồng chí giới thiệu vào Đảng Cộng sản từ cuối năm 1945.

³ Mãi đến năm 1948, Tỉnh ủy Biên Hoà mới chuyển về đứng chân ở Chiến khu Đ.

thông tin liên lạc rất khó khăn; chính quyền cách mạng ở cơ sở sau những cuộc càn quét của thực dân Pháp nhiều nơi không còn, hoạt động gặp nhiều khó khăn. Để giải quyết khó khăn trước mắt, đặc biệt tạo điều kiện cho bộ đội có thể hoạt động tốt, Ban Chỉ huy chi đội chủ trương: Phải tăng cường công tác vận động quần chúng, tổ chức một hệ thống thông tin từ cơ sở. Ban chỉ huy Chi đội 10 Biên Hòa quyết định chuyển các Ban quân sự¹ thành các ban công tác liên thôn (toàn tỉnh Biên Hòa có 14 ban) có du kích để làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng, phục vụ cho bộ đội chiến đấu.

Thành lập các Ban quân sự, sau là các Ban công tác liên thôn là một sáng tạo trong thực tiễn của người chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa và Chỉ huy Chi đội 10, là cơ sở bước đầu để hình thành 3 hình thức vũ trang tập trung, địa phương và du kích. Các Ban quân sự và Ban công tác liên thôn chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chỉ huy chi đội 10 Biên Hòa. Hoạt động của các Ban công tác liên thôn có hiệu quả, vừa nắm thông tin tình hình của địch ở cơ sở, vừa tiến hành công tác diệt tề trừ gian ở xã ấp, vừa đảm bảo được hậu cần... tại chỗ đáp ứng yêu cầu chiến đấu của Chi đội 10. Tuy nhiên hạn chế trong Chỉ đạo của Ban chỉ huy chi đội 10 với hoạt động của các Ban công tác liên thôn là công tác chính trị, giáo dục chiến sĩ chưa chặt chẽ, việc xác định nhiệm vụ và mối quan hệ với chính quyền cơ sở chưa rõ, không

¹ Các ban quân sự thành lập vào đầu năm 1946 theo sáng kiến của đồng chí Huỳnh Văn Nghệ lúc bấy giờ là chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

ít Ban đã làm thay và lấn cả lên nhiệm vụ của chính quyền cơ sở, không chịu sự chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khẳng định toàn dân tộc Việt Nam quyết chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc: *“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*.

Trong điều kiện thực dân Pháp đã chiếm được Biên Hòa và đang ổn định bộ máy cai trị, chuẩn bị âm mưu bình định tiêu diệt lực lượng kháng chiến; lực lượng vũ trang tỉnh đã thống nhất về chỉ huy, nhân dân thị xã Biên Hòa trong vùng tạm chiếm nhưng niềm tin vẫn ở kháng chiến. Ban chỉ huy chi đội chủ trương cần tạo một tiếng vang lớn để động viên tinh thần chiến đấu của quân dân: Tổ chức trận tập kích bằng súng cối vào thành Săng Đá của Pháp và tấn công các mục tiêu địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa.

Ban chỉ huy Chi đội đã quán triệt nhiệm vụ và quyết tâm chiến đấu cho các chỉ huy đơn vị tham gia trận tập kích. Trận đánh sẽ là kết quả báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết tâm kháng chiến của quân dân Biên Hòa; đồng thời là “thông điệp” cảnh cáo gửi tới thực dân Pháp về sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến ở địa phương.

Đúng 2 giờ sáng ngày 1 tháng 1 năm 1947, Ban công tác liên thôn 4 (Trần Văn Xã chỉ huy) đưa các